

一 部

Clef 1

- 1 一切如來金剛壽命陀羅尼經
Nhất thiết như lai kim cương thọ mạng đà-la-ni kinh,
voir: 金剛壽命陀羅尼經 Kim cương thọ mạng đà-la-ni kinh, N° 295.
 - 2 三千佛名經 一本
Tam thiên phật danh kinh, 1 fasc. .
Les planches sont conservées à la pagode de Linh-quang
靈光寺 à Hanoi. [AC.138]
 - 3 三教正度實錄 一本
Tam giáo chính độ thực lục, 1 fasc. .
Préf. de la réédition en la 16^e année de Gia-long (1817).
Les planches sont conservées à Tập-phúc-đường 集福堂.
[AC.544]
 - 4 三教正度輯要 一本
Tam giáo chính độ tập yếu, 1 fasc., par Chính-đại 正大,
religieux de la pagode de Hưng-phúc 興福寺 au village
de Tư-thế, de la province de Bắc-ninh. [AC.156]
 - 5 三時禮敬儀毘尼日用錄 一本
Tam thì lễ kính nghi, avec le supplément de Bì-ni (Vinaya)
nhật dụng lục, N° 178, 1 fasc.
Les planches sont conservées à la pagode de Sùng-phúc
崇福寺. [AC.304]
 - 6 三經⁽¹⁾日用誦 一本
Tam kinh nhật dụng tụng, 1 fasc.
1^{re} préf. de Âu-dương Đình-diệt 歐陽穎徑; 2^e préf. de
Tạ-tại 在在 en l'année Quý-tị 癸巳 [?]; 3^e préf. de Diêu-
Quảng-hiếu 姚廣孝 en la 8^e année de Vinh-lạc (1410).
Glossaire des mots difficiles.
Avertissement de Bảo-đĩnh 寶鼎 en la 11^e année de Tự-
đức (1858). [AC.341]
- [⁽¹⁾ Les trois textes sont: 佛說二十四章經, 佛遺教經, 雪山野乘.]

乙 部

Clef 5

- 7 九拜儀 一本

Cửu báỉ nghi, 1 fasc.

Clef 5

Les planches sont conservées à la pagode de Siên-pháp
關法寺 [Hanoi]. [AC.115]

二 部

Clef 7

8 二十四章經

Nhị thập tứ chương kinh, traduit par Chúc Pháp-lan 竺法蘭 et ses collègues; commentaire de Thủ-toại 守遂; réédité en la 4^e année de Khánh-đức (1653). Supplément de 三經日用誦 Tam kinh nhật tụng tụng, No. 6.

[AC.341]

9 五百觀世音名儀 一册

Ngũ bách quan thế âm danh nghi, 1 fasc., réédité en la 27^e année de Tự-đức (1874).

Les planches sont conservées à la pagode de Hu'ng-phúc 興福寺, au village de Xuân-lôi, province de Bắc-ninh.

[AC.306]

10 五百名觀世音經 一本

Ngũ bách danh quan thế âm kinh, 1 fasc., réédité en l'année Mậu-tuất de Thành-thái (1898).

Les planches sont conservées à la pagode de Siên-pháp 關法寺 [Hanoi].

[AC.126]

11 五家宗派要畧 一本附羯磨指南 比丘受戒

Ngũ gia tôn phái yếu lược, avec les suppléments de Kiệt-ma (karma) chỉ nam et de Bì-khâu (bhikṣu) thụ giới, 1 fasc., réédité en la 11^e année de Gia-long (1812). Les planches sont conservées à la pagode de Nguyệt-quang 月光寺 du village de Đông-khê.

[AC.458]

12 五殿閻羅天子本行集經 一本

Ngũ điện Diêm-la thiên tử bản hành tập kinh, 1 fasc. Ancienne préf. de Chiêu-dương-tử 肇陽子 en l'année Quý-tị de Kouang-tseu (1893).

[AC.442]

13 五種菩提要義 一本

Ngũ chủng bồ-đề yếu nghĩa, 1 fasc., réédité en la 7^e année de Bảo-thái (1726). Préf. de la réédition.

Les planches sont conservées à la pagode de Quỳnh-lâm Clef 7
瓊林寺. [AC.433]

- 14 五燈會元 一本
Ngũ đăng hội nguyên, 1 fasc. [AC.412]

人 部

Clef 9

- 15 人天眼目 附大智論 二本
Nhân thiên nhãn mục, avec le supplément de Đại-trí luận, 2 fasc.
Avertissement de Phổ-quang-minh-giám 普光明鑑 en la 7^e année de Tự-đức (1854); table des matières.
Les planches sont conservées à la pagode de Hong-phúc 洪福寺, à Giai-cảnh, du huyện de Vĩnh-thuận de Hanoi. [AC.502]
- 16 仁王護國般若波羅密經 一冊
Nhân vương hộ quốc bát-nhã ba-la-mật kinh, 1 fasc., réédité en la 35^e année de Tự-đức (1882). [AC.278]
- 17 佛名經 十二本
Phật danh kinh, 12 fasc., traduit par Bồ-đề-lưu-chi 菩提留支 (Bodhiruci).
Préf. de Đạo-tuân 道遵 en la 6^e année de Thiệu-trị (1846).
Les planches sont conservées à la pagode de Long-đội 龍隊山寺, au huyện de Duy-tiên [Hà-nam]. [AC.378]
- 19 佛說一切如來金剛壽命陀羅尼經
Phật thuyết nhất thiết như lai kim-cương thọ mạng đà-la-ni kinh, voir: 金剛壽命陀羅尼經 Kim cương thọ mạng đà-la-ni kinh, No. 295.
- 20 佛說二十四章經
Phật thuyết nhị thập tứ chương kinh, voir: 二十四章經 Nhị thập tứ chương kinh, No. 8.
- 21 佛說大乘金剛經論
Phật thuyết đại thừa kim cương kinh luận, voir: 大乘金剛經論 Đại thừa kim-cương kinh luận, No. 97.
- 22 佛說大藏報應因果經
Phật thuyết đại tạng báo ứng nhân quả kinh, voir: 大